



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng Nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 0103018458 ngày 23 tháng 7 năm 2007

**Giấy Chứng Nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 16 tháng 1 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Giấy Chứng Nhận**  
**Đăng ký Đầu tư số** 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
	Chu Việt Cường	Thành viên
	Lưu Đức Khánh	Thành viên
	Lương Thế Phúc	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
	Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
	Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
	Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Đình Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Kim Chính	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 23 tháng 12 năm 2016)
	Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 18 tháng 11 năm 2016)
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah	Giám đốc Tài chính	
	(từ ngày 1 tháng 12 năm 2016)	

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Trần Dương Ngọc Thảo  
Phạm Minh Hà  
Đoàn Thu Hương

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Đơn nguyên 1, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Hàng không VietJet Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HÀNG KHÔNG  
VIETJET**  
  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-1057-1



---

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Nguyễn Cẩm Tú  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>8.760.720.394.235</b>	<b>6.240.403.475.829</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.425.043.160.136</b>	<b>894.104.824.858</b>
Tiền	111		770.443.160.136	244.104.824.858
Các khoản tương đương tiền	112		1.654.600.000.000	650.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>270.000.000.000</b>
Công cụ tài chính kinh doanh	121		-	270.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.899.843.847.782</b>	<b>4.709.299.034.973</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	484.387.835.852	647.215.638.730
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6(a)	91.313.947.896	334.715.960.377
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	32.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	5.324.142.064.034	3.695.367.435.866
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>137.930.296.755</b>	<b>164.428.122.872</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>297.903.089.562</b>	<b>202.571.493.126</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	241.049.562.115	202.571.493.126
Thuế phải thu Nhà Nước	153	15(b)	56.853.527.447	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>9.750.998.125.186</b>	<b>5.782.128.440.336</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.098.375.056.077</b>	<b>2.878.827.251.640</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6(b)	701.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	4.396.875.056.077	2.878.827.251.640
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.046.915.836.501</b>	<b>28.481.913.002</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.039.768.837.676	17.678.134.293
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.102.453.625.349</i>	<i>39.540.258.620</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(62.684.787.673)</i>	<i>(21.862.124.327)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	10	7.146.998.825	10.803.778.709
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>27.127.786.155</i>	<i>25.921.451.251</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(19.980.787.330)</i>	<i>(15.117.672.542)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>180.956.604.239</b>	<b>131.379.001.816</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	180.956.604.239	131.379.001.816
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>77.424.629.818</b>	<b>17.424.629.818</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		9.000.000.000	9.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.347.325.998.551</b>	<b>2.726.015.644.060</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	3.347.325.998.551	2.726.015.644.060
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.511.718.519.421</b>	<b>12.022.531.916.165</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15.439.746.114.451</b>	<b>10.438.008.272.923</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.692.674.531.581</b>	<b>6.938.203.578.750</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	381.433.703.156	417.966.665.729
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		291.656.427.709	156.740.793.796
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	196.853.480.072	62.794.377.086
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	478.908.435.987	395.552.785.491
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.306.836.634.360	662.230.377.199
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	690.910.035.875	1.188.424.999.290
Vay ngắn hạn	320	19(a)	6.102.386.845.285	3.543.467.794.788
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.243.688.969.137	511.025.785.371
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.747.071.582.870</b>	<b>3.499.804.694.173</b>
Phải trả dài hạn khác	337		5.905.373.020	5.216.469.924
Vay dài hạn	338	19(b)	694.840.299.644	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	82.471.339.722	31.558.668.102
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	3.963.854.570.484	3.463.029.556.147
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.071.972.404.970</b>	<b>1.584.523.643.242</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>3.071.972.404.970</b>	<b>1.584.523.643.242</b>
Vốn cổ phần	411	23	3.000.000.000.000	1.450.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.972.404.970	134.523.643.242
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.511.718.519.421</b>	<b>12.022.531.916.165</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà  
 Quyền Kế toán Trưởng



Người duyệt:



Lưu Đức Khánh  
 Giám đốc Điều hành

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>15.883.565.775.389</b>	<b>11.012.896.769.134</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>13.520.512.624.316</b>	<b>9.438.139.936.374</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.363.053.151.073</b>	<b>1.574.756.832.760</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	575.799.036.707	133.301.321.046
Chi phí tài chính	22	29	653.849.205.456	561.610.265.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.732.739.883	129.699.274.892
Chi phí bán hàng	25	30	501.076.008.688	312.276.634.445
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	180.124.957.782	193.339.282.820
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.603.802.015.854</b>	<b>640.831.970.806</b>
Thu nhập khác	31		18.117.113.063	8.378.083.029
Chi phí khác	32		29.956.864	129.932.461
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>18.087.156.199</b>	<b>8.248.150.568</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.621.889.172.053</b>	<b>649.080.121.374</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>155.027.738.705</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>50.912.671.620</b>	<b>(2.149.186.431)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.415.948.761.728</b>	<b>651.229.307.805</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà  
Quyền Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Lưu Đức Khánh  
Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.621.889.172.053</b>	<b>649.080.121.374</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		45.685.778.134	10.094.601.779
Các khoản dự phòng	03		53.085.360.121	-
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(49.644.924.652)	40.184.427.061
Lãi tiền gửi và cho vay	05		(53.335.659.366)	(14.894.691.544)
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	05		-	(31.807.087.556)
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		-	16.078.787
Cổ tức được chia	05		(436.035.103.949)	-
Chi phí lãi vay	06		180.732.739.883	129.699.274.892
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.804.660.516.086</b>	<b>1.055.281.091.963</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(939.052.304.445)	(1.601.902.015.540)
Biến động hàng tồn kho	10		26.497.826.117	(71.019.775.696)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		419.722.141.226	1.459.618.946.625
Biến động chi phí trả trước	12		274.755.222.804	119.056.291.757
			<b>1.586.583.401.788</b>	<b>961.034.539.109</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(177.942.929.579)	(162.169.963.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.368.640.472.209</b>	<b>798.864.575.256</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.859.068.922.771)	(123.930.206.389)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21		(1.286.462.375.174)	(1.048.612.463.176)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		270.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(60.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	27		103.751.955.256	10.191.635.989
Tiền thu cổ tức nhận được	27		1.180.266.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.830.599.076.689)</b>	<b>(1.162.351.033.576)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		71.500.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		21.249.914.036.344	13.366.588.908.049
Tiền thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	33		-	300.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.035.136.049.967)	(12.426.501.340.454)
Tiền chi trả cho hợp đồng hợp tác đầu tư	34		(300.000.000.000)	(500.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.986.277.986.377</b>	<b>740.087.567.595</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

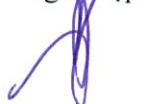
**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.524.319.381.897	376.601.109.275
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		894.104.824.858	521.978.179.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		6.618.953.381	(4.474.463.459)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	2.425.043.160.136	894.104.824.858

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà  
*Quyền Kế toán Trưởng*



Người duyệt:



Lưu Đức Khánh  
*Giám đốc Điều hành*

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã giao dịch là VJC.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2.440 nhân viên (1/1/2016: 1.650 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Công cụ tài chính kinh doanh**

Công cụ tài chính kinh doanh là các loại công cụ tài chính được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư vào công cụ nợ mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay**

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Công ty có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng máy bay được ghi nhận như là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Công ty khi Công ty hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn APU (thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn**

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

**(ii) Phụ tùng quay vòng**

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay**

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Công ty và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Công ty có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Công ty trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng máy bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế cho lần bảo dưỡng tiếp theo. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê**

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Công ty trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Công ty có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Công ty (nếu có) và việc hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu vận chuyển hành khách**

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

**(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ**

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, hoa hồng, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay**

Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu cho thuê máy bay**

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

**(v) Doanh thu từ dịch vụ khác**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(vi) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.510.481.354	3.786.706.753
Tiền gửi ngân hàng	767.932.678.782	240.318.118.105
Các khoản tương đương tiền	1.654.600.000.000	650.000.000.000
	2.425.043.160.136	894.104.824.858

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,5% đến 5,6% trong năm 2016 (2015: từ 1% đến 5,3%) và các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 0% trong năm 2016 (2015: không có các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 bao gồm 165.881 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (Thuyết minh 19).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 175.000 triệu VND (1/1/2016: Không) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại HDBank – Hội sở (Thuyết minh 19).

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	314.187.605.880	514.870.541.180
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	49.867.516.970	91.984.447.963
World Go International Co., Ltd	38.556.753.163	11.455.024.049
Khách hàng khác	81.775.959.839	28.905.625.538
	484.387.835.852	647.215.638.730

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm 377.056 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	560.824.000
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	49.867.516.970	91.984.447.963
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An	51.342.000	6.008.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn Và Du Lịch Thiên Thai	16.500.000	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**6. Trả trước cho người bán**

**(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	27.143.242.096	-
Trả trước cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	14.757.791.669	-
Trả trước cho dự án trung tâm huấn luyện bay	-	180.000.000.000
Trả trước cho Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai, một bên liên quan, để thực hiện dự án khu nhà ở cho tiếp viên	-	100.000.000.000
Trả trước khác	49.412.914.131	54.715.960.377
	91.313.947.896	334.715.960.377

Các khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và không hưởng lãi.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Trả trước cho người bán dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	-

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Công ty theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TDĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty sẽ được nhận 15.547 m<sup>2</sup> diện tích văn phòng và 13.409 m<sup>2</sup> diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Công ty sau khi dự án hoàn thành dự kiến trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc mua máy bay	3.462.539.158.419	3.020.517.186.184
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	901.462.143.692	320.326.400.008
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	468.344.946.987	170.237.634.312
Phải thu khác từ Vietjet Air IVB No. II Limited, một công ty con	332.617.392.000	-
Phải thu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“IPO”)	32.409.850.138	-
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	14.573.306.867	-
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	12.079.587.527	39.987.259.744
Phí tư vấn trả trước cho Công ty Cổ phần Sovico, một cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	6.701.877.729
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	1.706.069.444	52.122.365.334
Tạm ứng cho nhân viên	39.944.053.468	48.342.981.996
Đặc cọc tiền thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Khách Sạn Và Du Lịch Thiên Thai, một bên liên quan	-	10.000.000.000
Các khoản đặt cọc khác	30.296.462.087	17.854.259.318
Phải thu khác	28.169.093.405	9.277.471.241
	<b>5.324.142.064.034</b>	<b>3.695.367.435.866</b>

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.099.900.362.116	1.529.980.542.163
Đặt cọc mua máy bay	1.669.592.291.185	825.151.888.246
Đặt cọc thuê máy bay	614.849.191.414	512.179.593.037
Phải thu khác	12.533.211.362	11.515.228.194
	4.396.875.056.077	2.878.827.251.640
	4.396.875.056.077	2.878.827.251.640

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	-	-	32.485.725	-
Công cụ và dụng cụ	133.562.282.327	-	159.388.355.629	-
Hàng hóa	4.368.014.428	-	5.007.281.518	-
	137.930.296.755	-	164.428.122.872	-
	137.930.296.755	-	164.428.122.872	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 137.930 triệu VND (1/1/2016: 164.428 triệu VND) được thế chấp tại Vietinbank – Chi nhánh Quận 11 để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	11.849.962.336	14.634.698.307	13.055.597.977	39.540.258.620
Tăng trong năm	101.290.631.452	45.398.507.608	659.242.211	1.882.793.489	149.231.174.760
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	913.682.191.969	-	-	-	913.682.191.969
Số dư cuối năm	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.293.940.518	14.938.391.466	1.102.453.625.349
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	6.911.848.515	9.941.239.156	5.009.036.656	21.862.124.327
Khấu hao trong năm	30.816.828.145	6.099.238.838	1.282.281.679	2.624.314.684	40.822.663.346
Số dư cuối năm	30.816.828.145	13.011.087.353	11.223.520.835	7.633.351.340	62.684.787.673
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	4.938.113.821	4.693.459.151	8.046.561.321	17.678.134.293
Số dư cuối năm	984.155.995.276	44.237.382.591	4.070.419.683	7.305.040.126	1.039.768.837.676

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 11.455 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 10.499 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có các tài sản có giá trị còn lại là 888.585 triệu VND (1/1/2016: không) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	25.921.451.251
Tăng trong năm	1.206.334.904
	<hr/>
Số dư cuối năm	27.127.786.155
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	15.117.672.542
Phân bổ trong năm	4.863.114.788
	<hr/>
Số dư cuối năm	19.980.787.330
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	10.803.778.709
Số dư cuối năm	7.146.998.825
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.613 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 5.630 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	131.379.001.816	146.099.277.427
Tăng trong năm	1.007.131.413.107	147.794.999.373
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(913.682.191.969)	-
Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	(43.871.618.715)	(162.515.274.984)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	180.956.604.239	131.379.001.816
	<hr/>	<hr/>

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 23.050 triệu VND (2015: 29.860 triệu VND).

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc mua máy bay chưa hoàn thành.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	% quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	VND	% quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:				
▪ Các công ty con				
- Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	90%	9.000.000.000	90%	9.000.000.000
- Vietjet Air IVB No. I Limited	100%	-	100%	-
- Vietjet Air IVB No. II Limited	100%	-	100%	-
- Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.	100%	-	100%	-
- Vietjet Air Ireland No. 1 Limited	100%	-	100%	-
		9.000.000.000		9.000.000.000
▪ Công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (*)	10%	60.000.000.000	-	-
		60.000.000.000		-
▪ Các đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		77.424.629.818		17.424.629.818

(\*) Khoản này phản ánh khoản đầu tư vào 6.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh trong năm 2016.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

<b>Công ty</b>	<b>Nơi thành lập</b>	<b>Giấy phép Kinh doanh</b>	<b>Các hoạt động chính</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	Việt Nam	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và dịch vụ liên quan.
Vietjet Air IVB No. I Limited (**)	British Virgin Islands	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air IVB No. II Limited (**)	British Virgin Islands	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (**)	Singapore	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (**)	Ireland	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
<b>Công ty liên kết</b>			
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (**)(***)	Thái Lan	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyển giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến du lịch và các dịch vụ liên quan khác.
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (***)	Việt Nam	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.

(\*\*\*) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê máy bay trả trước	227.656.900.271	178.338.944.890
Chi phí bảo dưỡng máy bay trả trước	13.212.911.483	16.336.297.906
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	179.750.361	7.896.250.330
	<hr/>	<hr/>
	241.049.562.115	202.571.493.126
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí bảo dưỡng máy bay VND</b>	<b>Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND</b>	<b>Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND</b>	<b>Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	2.247.148.148.287	142.173.066.533	140.064.199.458	196.630.229.782	2.726.015.644.060
Tăng trong năm	1.178.269.279.439	61.816.749.558	135.304.649.002	174.488.437.268	1.549.879.115.267
Phân bổ trong năm	(322.052.554.797)	(31.917.515.187)	(108.847.091.444)	(160.209.216.635)	(623.026.378.063)
Xóa sổ trong năm	(305.542.382.713)	-	-	-	(305.542.382.713)
Số dư cuối năm	2.797.822.490.216	172.072.300.904	166.521.757.016	210.909.450.415	3.347.325.998.551

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	243.481.418.499	123.621.454.259
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	21.849.959.094	86.718.052.069
Các nhà cung cấp khác	116.102.325.563	207.627.159.401
	381.433.703.156	417.966.665.729
	381.433.703.156	417.966.665.729

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	97.065.680	-
	97.065.680	-
	97.065.680	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	42.064.055.558	1.156.878.995.246	(460.761.984.913)	(673.212.018.287)	-	64.969.047.604
Thuế thu nhập cá nhân	13.106.680.195	256.780.404.700	(253.030.391.132)	-	-	16.856.693.763
Thuế nhà thầu	7.623.641.333	23.346.401.325	(87.823.570.105)	-	56.853.527.447	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	155.027.738.705	(40.000.000.000)	-	-	115.027.738.705
	62.794.377.086	1.592.033.539.976	(841.615.946.150)	(673.212.018.287)	56.853.527.447	196.853.480.072

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số được hoàn lại trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	673.212.018.287	-	(673.212.018.287)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	-	-	56.853.527.447	56.853.527.447
	-	673.212.018.287	-	(673.212.018.287)	56.853.527.447	56.853.527.447

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí liên quan đến máy bay	409.026.251.553	350.426.292.908
Lương tháng 13	34.312.991.844	14.941.754.485
Chi phí lãi vay	4.863.884.399	2.074.074.095
Chi phí bảo trì	-	14.338.340.858
Chi phí khác	30.705.308.191	13.772.323.145
	<hr/>	<hr/>
	478.908.435.987	395.552.785.491
	<hr/>	<hr/>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.306.836.634.360	662.230.377.199
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lệ phí sân bay phải trả	399.300.619.575	233.290.358.812
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	107.423.263.649	1.167.425.328
Phải trả khoản giảm giá mua hàng thu hộ từ Vietjet Air IVB No. I Limited, một công ty con (*)	85.530.843.556	-
Phải trả tiền bán máy bay thu hộ từ Vietjet Air IVB No. II Limited, một công ty con (*)	78.065.238.400	79.270.214.987
Phải trả phí tư vấn cho Công ty Cổ phần Sovico, một cổ đông có ảnh hưởng đáng kể (*)	5.972.677.422	-
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan (*)	-	300.000.000.000
Phải trả tiền bán máy bay thu hộ từ Vietjet Air IVB No. I Limited, một công ty con (*)	-	520.416.965.047
Phải trả khác	14.617.393.273	54.280.035.116
	<b>690.910.035.875</b>	<b>1.188.424.999.290</b>

(\*) Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>19. Vay</b>	<b>1/1/2016</b>		<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2016</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Thanh toán VND</b>	<b>Đánh giá lại VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	
<b>(a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	3.543.467.794.788	20.472.167.981.143	(18.002.824.709.967)	23.621.519.321	6.036.432.585.285	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	98.265.600.000	(32.311.340.000)	-	65.954.260.000	
	<b>3.543.467.794.788</b>	<b>20.570.433.581.143</b>	<b>(18.035.136.049.967)</b>	<b>23.621.519.321</b>	<b>6.102.386.845.285</b>	

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở (a)				
Khoản vay 1	VND	2,4% – 5,5%	106.812.385.443	-
Khoản vay 2	USD	1,4%	-	133.788.438.427
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (b)				
Khoản vay 3	VND	4,8% – 5,3%	1.647.157.457.453	799.584.491.935
Khoản vay 4	USD	1,4% – 1,6%	334.867.496.106	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)				
Khoản vay 5	VND	5% – 5,2%	340.862.342.163	338.059.374.846
Khoản vay 6	USD	1,5% – 1,85%	682.060.978.753	131.551.003.813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (e)				
Khoản vay 7	VND	5% – 5,5%	118.684.487.400	148.932.876.040
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (e)				
Khoản vay 8	VND	5% – 5,3%	770.578.961.161	499.967.032.083
Khoản vay 9	USD	5%	79.764.999.999	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (e)				
Khoản vay 10	USD	1,3% – 2,5%	128.315.091.936	225.540.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (e)				
Khoản vay 11	VND	5% – 5,5%	894.341.373.335	763.181.592.235
Khoản vay 12	USD	2,2%	-	387.719.867.627
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (e)				
Khoản vay 13	USD	1,65%	433.497.690.959	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (e)				
Khoản vay 14	VND	3,5% – 4,7%	166.665.685.684	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (d)				
Khoản vay 15	USD	1,9% – 3,5%	332.823.634.893	115.143.117.782
			6.036.432.585.285	3.543.467.794.788

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Khoản vay 1 và 2 từ HDBank – Hội sở, một bên liên quan, được bảo đảm bởi các tài sản sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 5)	-	70.614.566.717
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	175.000.000.000	-
	175.000.000.000	70.614.566.717

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 1 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay giữa Công ty và Avation Plc, một công ty cho thuê máy bay.

- (b) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 3 và 4 như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	137.930.296.755	164.428.122.872
Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh 5)	-	95.266.033.861
	137.930.296.755	259.694.156.733

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 3 và 4 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của máy bay giao tháng 6 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (c) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 5 và 6 như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)	-	377.055.901.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 5 và 6 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của máy bay giao tháng 5 và tháng 6 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (d) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 15 được bảo đảm các khoản phải thu được hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của máy bay giao tháng 5 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (e) Các khoản vay 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 không được bảo đảm.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	760.794.559.644	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.954.260.000)	-
	694.840.299.644	-

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	3,63% – 3,64%	2017 – 2028	760.794.559.644	-

Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 này được hoàn trả trong 24 kỳ, mỗi kỳ sáu tháng trả 1,4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1,5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy bay số hiệu A320 MSN 7167, VNA675 (Thuyết minh 9)	888.585.171.422	-

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	<b>Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND</b>	<b>Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	3.743.787.222.790	230.268.118.728	3.974.055.341.518
Dự phòng lập trong năm	1.178.269.279.439	61.816.749.558	1.240.086.028.997
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	433.096.479.471	9.186.674.391	442.283.153.862
Dự phòng sử dụng trong năm	(108.035.639.289)	(9.281.227.500)	(117.316.866.789)
Dự phòng xóa sổ trong năm	(358.627.742.834)	-	(358.627.742.834)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.063.624.867	-	27.063.624.867
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.915.553.224.444</b>	<b>291.990.315.177</b>	<b>5.207.543.539.621</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.225.810.611.444</b>	<b>17.878.357.693</b>	<b>1.243.688.969.137</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>3.689.742.613.000</b>	<b>274.111.957.484</b>	<b>3.963.854.570.484</b>
	<b>4.915.553.224.444</b>	<b>291.990.315.177</b>	<b>5.207.543.539.621</b>

**21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.368.124.035	250.270.000
Dự phòng phải trả	520.754.353.962	397.405.534.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.431.299.184	947.642.206
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>526.553.777.181</b>	<b>398.603.446.358</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(296.989.479.112)	(238.932.121.482)
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	(300.136.250.581)	(185.030.694.217)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(11.899.387.210)	(6.199.298.761)
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>(609.025.116.903)</b>	<b>(430.162.114.460)</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>	<b>(82.471.339.722)</b>	<b>(31.558.668.102)</b>



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	800.000.000.000	133.294.335.437	933.294.335.437
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 24)	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	450.000.000.000	-	450.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	(450.000.000.000)	(450.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	651.229.307.805	651.229.307.805
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	1.450.000.000.000	134.523.643.242	1.584.523.643.242
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 24)	978.500.000.000	(978.500.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	571.500.000.000	-	571.500.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	1.415.948.761.728	1.415.948.761.728
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	3.000.000.000.000	71.972.404.970	3.071.972.404.970

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt/đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty tăng từ 3.000.000 triệu VND lên 3.223.881 triệu VND.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	145.000.000	1.450.000.000.000	80.000.000	800.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	97.850.000	978.500.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cần trừ với cổ tức bằng tiền trong năm	50.000.000	500.000.000.000	45.000.000	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm	7.150.000	71.500.000.000	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>300.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>145.000.000</b>	<b>1.450.000.000.000</b>

*Cổ tức bằng cổ phiếu trong năm*

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 33 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 478.500 triệu VND (2015: 200.000 triệu VND), tương đương với 47.850.000 cổ phiếu phổ thông mới.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 17 tháng 11 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.000 triệu VND, tương đương với 50.000.000 cổ phiếu phổ thông mới.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Phát hành cổ phiếu cản trừ với cổ tức bằng tiền trong năm*

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 9 năm 2016 đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 500.000 triệu VND (2015: 450.000 triệu VND). Các cổ đông đã ủy quyền cho Công ty cản trừ các khoản cổ tức bằng tiền này với số cổ phiếu phát hành thêm theo nghị quyết của các cổ đông vào ngày 21 tháng 9 năm 2016.

*Phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm*

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 cũng đã phê duyệt phát hành 7.150.000 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty.

## **24. Cổ tức**

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 33 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 478.500 triệu VND (2015: 200.000 triệu VND), tương đương với 47.850.000 cổ phiếu phổ thông mới.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 9 năm 2016 đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 500.000 triệu VND (2015: 450.000 triệu VND). Các cổ đông đã ủy quyền cho Công ty cản trừ các khoản cổ tức bằng tiền này với số cổ phiếu phát hành thêm theo nghị quyết của các cổ đông vào ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 17 tháng 11 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.000 triệu VND, tương đương với 50.000.000 cổ phiếu phổ thông mới.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	3.328.499.183.704	1.364.943.775.912
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.784.521.445.255	4.817.995.572.765
Sau 5 năm	12.974.577.948.968	2.593.230.085.091
	28.087.598.577.927	8.776.169.433.768

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	81.202.939	1.844.930.774.080	5.572.764	125.610.100.560

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	462.500.000.000	236.428.571.428
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.825.000.000.000	-
	4.287.500.000.000	236.428.571.428

(\*) Ngoài các cam kết trên, Công ty cũng ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 119 máy bay và với Boeing Company để mua 100 máy bay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nhận được 20 chiếc máy bay, các máy bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Công ty từ năm 2017 đến năm 2023.

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các hợp đồng mua bán máy bay, các cam kết của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến khoản thanh toán trước khi giao các máy bay còn lại (bao gồm động cơ) là 1.200 triệu USD (đối với các máy bay Airbus) và 1.052 triệu USD (đối với các máy bay Boeing).

Ngoài ra, Công ty cũng ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với CFM International S.A để mua 3 động cơ máy bay thay thế và với United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division) để mua 9 động cơ máy bay thay thế.

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	8.646.255.772.294	6.724.682.633.020
▪ Quốc tế	801.915.629.801	481.252.164.219
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướm máy bay	2.719.886.832.505	1.336.803.281.353
	12.168.058.234.600	8.542.738.078.592
Doanh thu hoạt động phụ trợ	3.519.142.819.668	2.409.972.028.606
Doanh thu từ cho thuê khô máy bay	56.914.200.000	56.800.800.000
Doanh thu khác	139.450.521.121	3.385.861.936
	15.883.565.775.389	11.012.896.769.134

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	1.123.517.651.781	767.471.742.896
Chi phí khối khai thác bay	10.866.887.021.349	7.517.025.723.355
Chi phí khối kỹ thuật	737.044.632.260	566.201.538.790
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	20.575.056.630	7.424.768.698
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	67.686.489.747	23.529.620.124
Chi phí khấu hao và phân bổ	665.386.604.481	531.104.920.729
Chi phí khác	39.415.168.068	25.381.621.782
	13.520.512.624.316	9.438.139.936.374

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Cổ tức được chia từ Vietjet Air IVB No. 1 Limited, một công ty con	434.854.837.949	-
Cổ tức được chia từ đơn vị khác	1.180.266.000	-
Lãi tiền gửi và cho vay	53.335.659.366	14.894.691.544
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	36.724.683.706	86.599.541.946
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	49.644.924.652	-
Thu nhập từ đầu tư vào hợp đồng hợp tác đầu tư và trái phiếu doanh nghiệp	-	31.807.087.556
Thu nhập tài chính khác	58.665.034	-
	<b>575.799.036.707</b>	<b>133.301.321.046</b>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng phải trả	442.283.153.862	272.908.367.170
Chi phí lãi vay	180.732.739.883	129.699.274.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.833.311.711	118.818.196.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	40.184.427.061
	<b>653.849.205.456</b>	<b>561.610.265.735</b>

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí bán hàng	224.768.340.966	126.505.861.711
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	219.120.948.284	136.337.095.000
Chi phí nhân viên	53.697.885.576	45.829.360.859
Chi phí khấu hao và phân bổ	379.588.887	469.982.457
Chi phí khác	3.109.244.975	3.134.334.418
	<b>501.076.008.688</b>	<b>312.276.634.445</b>

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	76.870.028.767	70.172.852.009
Chi phí thuê văn phòng	16.940.377.802	14.413.343.110
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.945.962.829	3.151.186.648
Chi phí bảo hiểm	44.124.246	49.275.874
Chi phí khác	83.324.464.138	105.552.625.179
	180.124.957.782	193.339.282.820

**32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	5.369.109.087.358	4.147.611.503.988
Chi phí nhân viên và nhân công	1.725.462.650.346	1.135.914.088.694
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.685.778.134	10.094.601.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.239.849.385.938	3.312.184.588.705
Chi phí khác	821.606.689.010	1.337.951.070.473
	14.781.633.950.846	10.528.269.087.649

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	155.027.738.705	-
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	50.912.671.620	(2.149.186.431)
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	205.940.410.325	(2.149.186.431)

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	1.621.889.172.053	649.080.121.374
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	324.377.834.411	129.816.024.275
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(31.558.668.102)
Chi phí không được khấu trừ thuế	266.009.325	1.503.755.878
Ưu đãi thuế	(118.703.433.411)	(101.910.298.482)
	205.940.410.325	(2.149.186.431)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa công cộng, theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo.

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (1/1/2016: 22%).



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</b>		
Các khoản vay từ HDBank	758.722.469.930	1.123.180.663.833
Chi phí lãi vay	5.960.878.899	23.386.718.198
Khoản vay cấp cho một cổ đông	-	30.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	10.663.536.965	25.150.611.112
Dịch vụ đã cung cấp	47.478.830.795	3.871.800.200
Chi phí dịch vụ tư vấn	4.379.100.000	4.218.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.180.000.000.000	-
<b>Các công ty con và công ty liên kết</b>		
Chi phí chi hộ	925.854.181.816	2.708.353.393.005
Dịch vụ đã cung cấp	570.437.470.250	595.324.240.718
Chi phí dịch vụ thuê chuyến bay	129.175.133.550	-
Cổ tức được chia	434.854.837.949	-
Đầu tư góp vốn	60.000.000.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Thù lao và lương	13.109.379.578	12.778.035.334
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Nhận đầu tư vào hợp đồng hợp tác đầu tư	-	300.000.000.000
Thu nhập từ đầu tư vào hợp đồng hợp tác đầu tư và trái phiếu doanh nghiệp	14.841.666.667	9.000.000.000
Dịch vụ đã cung cấp	265.998.900	-

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu	978.500.000.000	200.000.000.000
Cần trừ khoản phải trả cổ tức bằng tiền với khoản phải thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông	500.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức được chia nhưng chưa thu tiền	434.854.837.949	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang phải thu ngắn hạn khác	43.871.618.715	162.515.274.984
Thanh lý một công ty con nhưng chưa thu tiền	-	3.400.000.000

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà  
*Quyền Kế toán Trưởng*

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh  
*Giám đốc Điều hành*

)

)